

Số: 52 /2011/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho hoạt động
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 162/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến nông khuyến ngư ở địa bàn khó khăn và Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1300/SNN-KH.TC ngày 15/6/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ

tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KT, CNN.

@DienKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phúc
Trần Minh Phúc

QUY ĐỊNH

**Về việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Kèm theo Quyết định số 52 /2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định việc hỗ trợ kinh phí để thực hiện hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, ngành nghề nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sản xuất: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Tổ chức khuyến nông trong nước và nước ngoài thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ.

3. Người hoạt động khuyến nông tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ.

4. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí ngân sách địa phương bố trí hàng năm;

2. Thu từ thực hiện các hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông;

3. Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

4. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Kinh phí khuyến nông được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh theo chương trình, dự án khuyến nông được Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện phê duyệt.

2. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn kinh phí cho các đối tượng hưởng thụ theo quy định hiện hành.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông địa phương

1. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo:

a) Đối tượng:

- Người sản xuất, bao gồm: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường; doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa tham gia chương trình đào tạo dạy nghề do nhà nước hỗ trợ;

- Người hoạt động khuyến nông là cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ.

b) Nội dung chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, gồm:

Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

c) Mức hỗ trợ:

- Đối với người sản xuất:

+ Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn 70.000 đồng/ngày thực học/người, đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh, thành phố; 50.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại huyện, thị xã; 25.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ tiền đi lại đối với người học xa nơi cư trú từ 15km trở lên, thanh toán theo mức khoán tối đa không quá 150.000 đồng/người/khóa học.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

+ Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học, hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại bằng 50% theo mức quy định tại tiết 1, đoạn 1, điểm c, khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí.

+ Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham dự đào tạo.

- Đối với người hoạt động khuyến nông khi tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được hỗ trợ:

+ Người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học;

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

+ Người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định tại tiết 1, đoạn 1, điểm c, khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

- Chi bồi dưỡng giảng viên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

Về thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật của từng lớp học đối với những hoạt động khuyến nông phù hợp với yêu cầu của từng loại hình đào tạo được thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chi thông tin tuyên truyền: Hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân có dự án thông tin tuyên truyền để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến, được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác thông tin tuyên truyền hàng năm; thông qua:

a) Phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Tạp chí khuyến nông (bản tin ngành).

b) Diễn đàn khuyến nông: Chi thuê hội trường; tài liệu; tiền nước uống; báo cáo viên: Hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn.

Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 của Quy định này; Mức chi nước uống, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Hội nghị: Hội nghị tổng kết khuyến nông (tổng kết chương trình, dự án khuyến nông, tổng kết năm...). Mức chi theo quy định hiện hành.

d) Chi hội chợ triển lãm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, thiết kế gian hàng, mẫu vật trưng bày; chi thông tin tuyên truyền hội chợ; chi hoạt động của Ban tổ chức.

d) Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc, chi thức ăn, hóa chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (nếu có); chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi hỗ trợ đưa đón thí sinh dự thi và chi khác;

e) Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác (nếu có);

3. Chi xây dựng các mô hình trình diễn về khuyến nông:

a) Nội dung:

- Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện ứng dụng của tỉnh;

- Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

b) Mức hỗ trợ:

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất phù hợp với điều kiện ứng dụng của tỉnh.

+ Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: Ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo, được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản); ở địa bàn trung du miền núi được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu; ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu.

+ Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến và ngành nghề nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị: Ở địa bàn khó khăn huyện nghèo được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/mô hình, ở địa bàn trung du miền núi hỗ trợ tối đa 75% chi phí, nhưng không quá 125 triệu đồng/mô hình; ở địa bàn đồng bằng hỗ trợ tối đa 50%, nhưng không quá 75 triệu đồng/mô hình.

+ Mô hình ứng dụng công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

+ Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững: Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.

- Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương tối thiểu/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

- Chi triển khai mô hình trình diễn: Tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Mức chi tối đa không quá 12 triệu

đồng/mô hình, riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình. Trong đó mức chi hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn không quá 25.000 đồng/người/ngày;

4. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng: Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ. Mức chi 15 triệu đồng/1 mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến; trong đó mức hỗ trợ cho người tham gia triển khai mô hình, giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật áp dụng quy định tại đoạn 3, điểm c, khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

5. Chi mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

6. Biên soạn và in giáo trình, tài liệu mẫu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn khuyến nông, áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

7. Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông; thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông: Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, dự án khuyến nông lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

8. Chi tham quan, học tập trong nước, nước ngoài:

- Chi tham quan học tập trong nước: Mức chi theo quy định hiện hành;

- Chi tham quan học tập nước ngoài: Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

9. Mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành.

10. Chi quản lý chương trình dự án khuyến nông:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được sử dụng tối đa không quá 2% kinh phí khuyến nông do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá, gồm: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, dự án khuyến nông, chi khác (nếu có). Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí.

b) Đối với tổ chức thực hiện dự án khuyến nông: Đơn vị triển khai thực hiện dự án khuyến nông được chi không quá 3% dự toán dự án khuyến nông (riêng dự án ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo được chi không quá 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

11. Chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông (nếu có).

Điều 6. Điều kiện để thực hiện các mô hình trình diễn khuyến nông; điều kiện tham gia triển khai các chương trình, dự án khuyến nông

1. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

- Có địa điểm thực hiện mô hình trình diễn phù hợp với nội dung, quy trình kỹ thuật của mô hình;

- Cam kết đầu tư vốn cho mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và dự án. Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ và tương ứng với tỷ lệ đầu tư thực tế của chủ mô hình;

- Chưa nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung của mô hình.

2. Điều kiện đơn vị tham gia thực hiện triển khai chương trình, dự án khuyến nông: Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thuộc chương trình, dự án khuyến nông.

Chương II TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; cụ thể như sau:

1. Lập dự toán: Hàng năm, căn cứ vào số kiểm tra về dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền thông báo; định mức kinh tế kỹ thuật và mức chi do UBND tỉnh quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán kinh phí khuyến nông, để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành.

Dự toán kinh phí khuyến nông khoản 1 Điều này phải lập theo từng chương trình; dự án và chi tiết theo nội dung chi do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Phân bổ và giao dự toán:

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao; căn cứ kết quả xét chọn, hoặc đấu thầu dự án khuyến nông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập phương án phân bổ kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông thực hiện.

Đối với các đơn vị không trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí khuyến nông cho đơn vị dự toán trực thuộc Sở để ký hợp đồng thực hiện. Phương án phân bổ kinh phí khuyến nông chi tiết theo chương trình, dự án; gửi Sở Tài chính thẩm tra theo quy định.

Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính về phương án phân bổ dự toán, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc (gồm: Đơn vị được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông thực hiện và đơn vị được giao ký hợp đồng khuyến nông); đồng gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch, chi tiết theo chương trình, dự án để phối hợp thực hiện.

Điều 8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện chương trình, dự án khuyến nông, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông đúng mục đích, có hiệu quả và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức hướng dẫn thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cá nhân, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc